

## THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Nội tiết Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức mua sắm vật tư, hóa chất xét nghiệm năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

*Bệnh viện Nội tiết Nam Định*

*Địa chỉ: Đường Phù Nghĩa, Phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình.*

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

*DS. Bùi Thị Thu Hà*

*Trưởng Khoa Dược – TTBYT*

*ĐT: 0915115504*

*Email: hathuy11.5@gmail.com.*

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Đơn vị tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Nội tiết Nam Định, Đường Phù Nghĩa, Phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình.*

- *Nhận qua email: [hathuy11.5@gmail.com](mailto:hathuy11.5@gmail.com).*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 04 tháng 05 năm 2026 đến trước 17 h00 ngày 13 tháng 05 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13 tháng 05 năm 2026.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục hàng hóa:

- Danh mục vật tư, hóa chất xét nghiệm điện giải, huyết học, HbA1C, nước tiểu. (Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Nội tiết Nam Định

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Theo từng đợt kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán 100% sau khi đã bàn giao, nghiệm thu hàng hoá và thanh lý hợp đồng.

5. Quy định về báo giá: Các đơn vị tham gia báo giá báo giá trọn gói từng phần trong danh mục (Danh mục gồm 4 phần).

6. Hồ sơ báo giá:

- Báo giá (theo mẫu báo giá đính tại Phụ lục II đính kèm).

- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan đến hàng hóa.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;

- Lưu VT, Khoa Dược-TTBYT



**Đoàn Trọng Thuyết**

**PHỤ LỤC I:**  
**DANH MỤC VẬT TƯ HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI, HUYẾT HỌC, HBA1C, NƯỚC TIỂU NĂM 2026**  
*(kèm theo Thông báo mời báo giá số 234/TB-BNNTNĐ ngày 29/04/2026 của Bệnh viện Nội tiết Nam Định)*

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
<b>Phần 1: Vật tư thay thế, hoá chất xét nghiệm sử dụng trên máy phân tích điện giải Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)</b>				
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl<sub>2</sub>, đệm pH.</li> <li>- Giá trị hiệu chuẩn: Calibration A: K+ 4 mmol/L, Na+ 140 mmol/L, Cl- 100 mmol/L, Ca<sup>2+</sup> 1.25 mmol/L, pH 7.4 Calibration B: K+ 8 mmol/L, Na+ 110 mmol/L, Cl- 70 mmol/L, Ca<sup>2+</sup> 2.5 mmol/L, pH 7</li> <li>- Nồng độ cho mỗi xét nghiệm: Ammonium molybdate 0.4 mmol/l Sulphuric acid 100 mmol/l Hydrochloric acid 100 mmol/l</li> <li>- Mẫu bệnh phẩm: Huyết thanh người</li> <li>- Tương quan tuyến tính hệ số r: K+ ≥0.99, Na+ ≥0.99, Cl- ≥0.99, Ca<sup>2+</sup> ≥0.99</li> <li>- Độ lệch tuyến tính D: K+ ≤3%, Na ≤1%, Cl- ≤2%, Ca<sup>2+</sup> ≤5%</li> <li>- Độ nhạy của phép phân tích K+ ≤0.2mmol/L, Na+ ≤6.7mmol/L, Cl- ≤6.2mmol/L, Ca<sup>2+</sup> ≤0.1mmol/L</li> <li>- Độ chính xác: K+ ≤2%, Na+ ≤1.5%, Cl- ≤2%, Ca<sup>2+</sup> ≤5%, pH ≤ 1%</li> <li>- Thể tích: (Calibration A: ≥650ml; Calibration B: ≥200ml)/hộp</li> <li>Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)</li> </ul>	40	Hộp
2	Dung dịch rửa hàng ngày dùng cho máy xét nghiệm điện giải đồ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thành phần chính: Sodium hypochlorite (NaClO) 0.4% - 0.5%</li> <li>Thể tích: ≥50ml/hộp</li> <li>Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)</li> </ul>	8	Hộp
3	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích điện giải	<ul style="list-style-type: none"> <li>*Thành phần chính: Enzyme: Pepsin. Dilutor: KCl, NaCl, Hydrochloride acid.</li> <li>*Thể tích: ≥ 6ml/hộp</li> <li>Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)</li> </ul>	7	Hộp
4	Điện cực xét nghiệm định lượng Na <sup>+</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điện cực Na electrode</li> <li>Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)</li> </ul>	3	Chiếc
5	Điện cực xét nghiệm định lượng K <sup>+</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điện cực K electrode</li> <li>Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)</li> </ul>	3	Chiếc
6	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl <sup>-</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điện cực Cl electrode</li> <li>Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)</li> </ul>	3	Chiếc
7	Điện cực xét nghiệm định lượng Ca <sup>+</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điện cực Ca electrode</li> <li>Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)</li> </ul>	4	Chiếc
8	Điện cực xét nghiệm định lượng pH	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điện cực pH electrode</li> <li>Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)</li> </ul>	4	Chiếc
9	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng (Na, K, Cl, Ca, pH)	<ul style="list-style-type: none"> <li>*Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl<sub>2</sub>, LiCl, pH buffer, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản.</li> <li>*Đặc tính hiệu suất: Trong khoảng CV: K+ ≤1.5%, Na+ ≤1.5%, Cl- ≤1.5%, Ca<sup>++</sup> ≤1.5%, pH ≤1.0% Giữa khoảng CV: K+ ≤3.0%, Na+ ≤3.0%, Cl- ≤3.0%, Ca<sup>++</sup> ≤5.0%, pH ≤1.0%</li> <li>*Thể tích: ≥ 10ml/hộp</li> <li>Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)</li> </ul>	11	Hộp
<b>Phần 2: Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy huyết học tự động Auto Star Diff 5 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)</b>				



STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Dung dịch pha loãng	*Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9% Potassium chloride < 0.06% Buffer < 0.3% Preservative < 0.1% *Thể tích: ≥20 lít/ thùng Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	52	Thùng
2	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm huyết học 5 thành phần	Thành phần chính: Healthy mammal blood (pig), preservatives and cell stabilizers. Thể tích: ≥3ml/lọ Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	36	Lọ
3	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	*Thành phần chính: Detergent < 1.5% Buffer < 2.0% Preservative < 1.5% Dye < 1.0% *Thể tích: ≥1 Lit/chai Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	44	Chai
4	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	Thành phần chính: Detergent < 0.5% Buffer < 0.6% Preservative < 0.7% Thể tích: ≥500ml/chai Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	39	Chai
5	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo các thành phần huyết học trong máu	*Thành phần chính: Detergent < 4.0% Buffer < 1.0% *Thể tích: ≥500ml/chai Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	39	Chai
6	Hoá chất rửa dùng cho máy xét nghiệm	*Thành phần chính: Sodium hypochlorite < 8.0% Sodium hydrate < 2.0% *Thể tích: ≥50ml/lọ Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	8	Lọ

**Phần 3: Thiết bị y tế, hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)**

1	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	Thành phần: Natri azide: ≤0.01 %; Chất oxi hoá: ≤0.7%; Phosphate: ≤1%. Thể tích: ≥2400ml/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	24	Hộp
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	- Thành phần: Natri azide: ≤0.06%; Chất oxi hoá ≤3%; Phosphate: ≤2%. Thể tích: ≥ 1200ml/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	13	Hộp
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	- Thành phần: Natri azide : ≤0.01%; Chất oxi hoá: ≤0.3%; Phosphate: ≤1%. Thể tích: ≥ 1200ml/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	16	Hộp
4	Dung dịch pha loãng máu toàn phần và rửa đường ống	- Thành phần: Natri azide: ≤0.02%; Phosphate: ≤0.1%; Chất hoạt động bề mặt: ≤0.1%. Thể tích: ≥ 6 lít/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	29	Hộp
5	Cột sắc ký	Cột sắc ký dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người khi thực hiện phép đo trên máy xét nghiệm ADAMS A1c HA-8180V Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	5	Cột

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
6	Dung dịch hiệu chuẩn	- Thành phần: + Dung dịch chuẩn mức thấp, dung dịch chuẩn mức cao: Hemoglobin nguồn gốc từ người: $\leq 0.6\%$ + Dung dịch pha loãng: Phosphate: $\leq 0.1\%$ ; Chất hoạt động bề mặt: $\leq 0.1\%$ Thể tích: (mức thấp: $\geq 9\text{ml}$ ; mức cao: $\geq 9\text{ml}$ ; pha loãng: $\geq 30\text{ml}$ )/Hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	5	Hộp
7	Chất kiểm chuẩn	- Thành Phần: Hemoglobin người: 13.0-15.0g/dL; Kali Cyanide: $\leq 0.005\%$ . Thể tích: (Level 1: $\geq 1\text{ml}$ ; Level 2: $\geq 1\text{ml}$ )/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	5	Hộp
8	Dung dịch pha loãng mẫu hiệu chuẩn	- Thành phần: + Dung dịch pha loãng: Phosphate: $\leq 0.1\%$ ; Chất hoạt động bề mặt: $\leq 0.1\%$ + Dung dịch hoàn nguyên: Phosphate: 0.6%; Chất hoạt động bề mặt: 1% Thể tích: (dung dịch pha loãng: $\geq 250\text{ml}$ ; dung dịch hoàn nguyên: $\geq 15\text{ml}$ )/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	5	Hộp
9	Dung dịch rửa máy	- Thành phần: 1. Chất hoạt động bề mặt không chứa ion: 1- 5%; 2. Muối vô cơ: 1-5%; 3. Chất khử trùng: 0.1- 1%; 4. Nước tinh khiết: 85-95%. Thể tích: $\geq 250\text{ml}$ /hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	3	Hộp

**Phần 4: Mua thiết bị y tế, hoá chất xét nghiệm sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Auto 100 (Hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH)**

1	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Thành phần chính: Ascorbic Acid: 2,6-dichloro-phenol-indophenol 0.5mg. Leukocytes: indoxyl ester 1.4mg; diazonium salt 0.7mg. Ketone: sodium nitroprusside 30.0mg. Nitrite: sulfanilamide 0.65mg; N-(naphthyl)-ethylenediammonium dihydrochloride 0.45mg. Urobilinogen: fast blue B salt 1.2mg. Bilirubin: 2,4-dichlorobenzene diazonium 14.3mg. Protein: tetrabromphenol blue 0.36mg. Glucose: glucose oxidase 6.2mg; peroxidase 2.8mg; 4-aminoantipyrine 0.08mg. Specific Gravity: bromthymol blue 0.4mg; sodium poly methyl vinyl acetate maleic 16mg. Blood: cumene hydroperoxide 35.2mg; 3,3',5,5'-tetramethylbenzidine 2.0mg. pH: bromocresol green 0.2mg; bromxylenol blue 3.3mg. Quy cách: $\geq 100$ test/Hộp Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm phân tích nước tiểu tự động Model Auto 100 (Hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH)	625	Hộp
2	Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích nước tiểu tự động	Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích nước tiểu tự động Thành phần chính: NaOH, chất hoạt động bề mặt, dung dịch đệm Quy cách: $\geq 500\text{ml}$ /Chai Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm phân tích nước tiểu tự động Model Auto 100 (Hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH)	54	Chai
3	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm nước tiểu mức 1	Dung dịch kiểm tra chất lượng mức 1, dùng cho máy phân tích nước tiểu tự động. Quy cách: $\geq 8\text{ml}$ /lọ Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm phân tích nước tiểu tự động Model Auto 100 (Hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH)	34	Lọ
4	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm nước tiểu mức 2	Dung dịch kiểm tra chất lượng mức 2, dùng cho máy phân tích nước tiểu tự động. Quy cách: $\geq 8\text{ml}$ /lọ Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm phân tích nước tiểu tự động Model Auto 100 (Hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH)	34	Lọ





## Phụ lục II: Mẫu báo giá

(Kèm theo Thông báo mời báo giá số: 234 /TB- BVNTND ngày 29/04/2026 của Bệnh viện Nội tiết Nam Định)

### BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết Nam Định

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nội tiết Nam Định, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

#### 1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa <sup>(2)</sup>	Ký mã hiệu <sup>(3)</sup>	Nhãn hiệu <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) <sup>(6)</sup>	Hãng sản xuất <sup>(7)</sup>	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản <sup>(8)</sup>	Quy cách đóng gói <sup>(9)</sup>	Đơn vị tính <sup>(10)</sup>	Số lượng <sup>(11)</sup>	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) <sup>(12)</sup>	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(13)</sup>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=(11)x(12)
	Hàng hóa thứ 1											Ml
	....											
	Hàng hóa thứ n											Mn

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ....

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(14)</sup>**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại tên gọi hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.
- (3), (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên ký hiệu, nhãn hiệu hãng sản xuất của hàng hóa tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục hàng hóa”.
- (5), (6), (7), (8), Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ, hãng sản xuất, cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hóa.
- (9), (10), (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể quy cách đóng gói, đơn vị tính, số lượng, khối lượng theo đúng đơn vị tính, số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng chủng loại hàng hóa.
- (13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng loại hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.  
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (14) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.